

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HƯƠNG KHÊ
TỈNH HÀ TĨNH

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 15/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 17/6/2024
V/v “Ly hôn, tranh chấp nuôi con
khi ly hôn”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HƯƠNG KHÊ, TỈNH HÀ TĨNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Trần Quốc Khánh.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Trịnh Xuân Minh; ông Phan Văn Tiến.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lê Thị Bích Khuyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh tham gia phiên tòa: Không.

Ngày 17/6/2024 tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân huyện Hương Khê, tỉnh Hà Tĩnh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 15/2024/TLST-HNGĐ, ngày 19/3/2024 về việc “Xin ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 16/2024/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06/5/2024; Quyết định hoãn phiên tòa số 13/2024/QĐST-DS, ngày 28/5/2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Chị Lê Thị H; sinh năm 1985; địa chỉ: Xóm H, xã H, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Có đơn xin vắng mặt.

- Bị đơn: Anh Lê Khắc T; sinh năm 1982; địa chỉ: Thôn P, xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh; Vắng mặt lần thứ 2 không có lý do.

- Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của bị đơn: Ông Nguyễn Thanh M - Trợ giúp viên thuộc Trung tâm Trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh H. Có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai có tại hồ sơ vụ án nguyên đơn chị Lê Thị H đều trình bày:

- Về hôn nhân: Chị Lê Thị H và anh Lê Khắc T đăng ký kết hôn vào ngày 14/02/2008 tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện H, tỉnh Hà Tĩnh trên cơ sở hoàn toàn tự nguyện. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hòa thuận đến năm 2014 thì bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn, lý do mâu thuẫn là vì anh T bị tai nạn, không thể lao

động để nuôi sống gia đình nên chị **H** phải đi vào miền nam làm việc để kiếm tiền nuôi sống gia đình. Một thời gian sau anh **T** hồi phục sức khỏe nhưng không chăm lo cho gia đình, vợ con, mọi công việc trong gia đình đều do một mình chị **H** gánh vác, cuộc sống hôn nhân giữa vợ chồng lâm vào tình trạng trầm trọng, vợ chồng thường xuyên xảy ra cãi vã, cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Nay vì vợ chồng đã ly thân quá lâu, tình cảm vợ chồng không còn, hạnh phúc hôn nhân không đạt được nên chị làm đơn khởi kiện đề nghị Tòa án giải quyết ly hôn với anh **Lê Khắc T**.

- Về con chung: Vợ chồng có 02 người con chung tên là **Lê Bảo N**, sinh ngày 03/3/2009 và **Lê Tuyết N1**, sinh ngày 25/4/2010. Chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung, chị không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Chị **Lê Thị H** không yêu cầu Tòa án giải quyết.

*Tại bản tự khai có tại hồ sơ bị đơn anh **Lê Khắc T** trình bày:*

- Về tình cảm: Quá trình tìm hiểu, đi đến kết hôn, thời gian chung sống, thời điểm ly thân đúng như chị **H** trình bày. Cuộc sống hôn nhân của anh và chị **H** bắt đầu nảy sinh mâu thuẫn là do vào năm 2014 anh bị tai nạn, đến năm 2015 chị **H** đi vào miền nam làm việc, kiếm tiền nuôi con. Tuy nhiên sau khi chị **H** đi vào miền nam thì không liên lạc về cho anh, không quan tâm đến cuộc sống của anh. Việc chị **H** làm đơn xin ly hôn thì anh không đồng ý ly hôn vì giữa vợ chồng đã có con chung.

- Về con chung: Anh và chị **H** có 02 người con chung đúng như chị **H** trình bày. Nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý nhường quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con cho chị **H** vì anh không có khả năng để nuôi con.

- Về tài sản chung: Anh và chị **H** không có tài sản chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai đề ngày 03/5/2024 cháu **Lê Bảo N** và cháu **Lê Tuyết N1** trình bày nguyện vọng: Nếu cha mẹ giải quyết ly hôn thì cháu **N** và cháu **N1** có nguyện vọng được sống cùng với chị **H**.

Sau khi thụ lý vụ án, chị **H** có đơn đề nghị Tòa án không tiến hành hòa giải và đề nghị Tòa án sớm đưa vụ án ra xét xử vì vợ chồng ly thân đã lâu, không thể đoàn tụ được nữa. Do đó, vụ án không thể tiến hành hòa giải được, Tòa án phải đưa vụ án ra xét xử.

*Người bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp cho bị đơn anh **Lê Khắc T** trình bày:* Thống nhất như lời khai của nguyên đơn, bị đơn đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện cho vợ chồng chị **H**, anh **T** được ly hôn vì hai người đã sống ly thân nhau quá lâu. Còn con chung cũng nên giao hai cháu cho chị **H** nuôi dưỡng vì chị **H** có điều kiện chăm sóc con tốt hơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên toà, ý kiến vị đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị **Lê Thị H** có đơn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Hương Khê giải quyết ly hôn quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự. Bị đơn anh **Lê Khắc T** có địa chỉ cư trú tại **thôn P, xã P, huyện H** nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hương Khê theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về hôn nhân: Anh **Lê Khắc T** và Chị **Lê Thị H** trên cơ sở tự do, tự nguyện tìm hiểu, tiến tới hôn nhân và đã đăng ký kết hôn tại **UBND xã P, huyện H** theo Giấy đăng ký kết hôn số **06, quyển số 01/2008** ngày 14/02/2008, nên xác định là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, do điều kiện kinh tế gia đình khó khăn, chị **H** phải đi làm ăn xa, không thể trực tiếp chăm lo cho chồng con, khiến cho vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, cãi vã, lâu dần không còn quan tâm đến nhau. Vợ chồng sống ly thân nhau từ năm 2015 cho đến nay, từ khi ly thân nhau cho đến nay anh **T** và chị **H** cắt đứt mọi mối quan hệ. Quá trình giải quyết tại Tòa án chị **H** nhất quyết xin ly hôn, bản thân anh **T** mong muốn đoàn tụ nhưng không đưa ra phương án giải quyết. Điều này chứng tỏ hôn nhân của chị **H**, anh **T** đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó, căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, cần chấp nhận yêu cầu của chị **H**, đồng ý cho chị **H** được ly hôn anh **T**.

[3] Về con chung: Các bên đương sự 02 người con chung tên là **Lê Bảo N**, sinh ngày 03/3/2009 và **Lê Tuyết N1**, sinh ngày 25/4/2010. Các con hiện nay do chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, các con trình bày nguyện vọng nếu cha mẹ ly hôn thì các con đều có nguyện vọng được sống cùng với mẹ. Chị **H** đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được quyền trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con chung, anh **T** cũng nhất trí cho chị **H** được trực tiếp nuôi dưỡng cả 02 người con nên giao 02 người con chung cho chị **H** trực tiếp nuôi dưỡng, cho đến khi con đủ 18 tuổi là phù hợp, đúng quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình. Về cấp dưỡng nuôi con, chị **H** không yêu cầu anh **T** cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Anh **T** được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản và được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

[4] Về quan hệ tài sản chung: Các bên đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[5] Về án phí: Chị **Lê Thị H** là nguyên đơn nên phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[6] Về quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào các Điều 51, Điều 56, Điều 57, các khoản 1, 2 Điều 81, các khoản 1, 3 Điều 82, Điều 83, Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, khoản 1 Điều 39, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1, khoản 3 Điều 228, khoản 4 Điều 147, Điều 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; điểm a khoản 1 Điều 24; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của chị **Lê Thị H** được ly hôn với anh **Lê Khắc T**.

2. Về con chung: Giao cho chị **Lê Thị H** được quyền trực tiếp nuôi dưỡng con chung tên là cháu **Lê Bảo N**, sinh ngày 03/3/2009 và cháu **Lê Tuyết N1**, sinh ngày 25/4/2010, cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Anh **Lê k** Từ không phải cấp dưỡng nuôi con chung cho chị **H**.

Anh **T** được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được quyền ngăn cản và được quyền yêu cầu Tòa án thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn theo quy định pháp luật.

2. Về án phí: Chị **Lê Thị H** phải chịu 300.000đ án phí ly hôn, chị **H** đã nộp 300.000đ tiền tạm ứng án phí theo biên lai số 0007995 ngày 19/3/2024 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hương Khê, nay không phải nộp nữa.

3. Về quyền kháng cáo: Chị **Lê Thị H**, anh **Lê Khắc T** có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày niêm yết bản án.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phan Văn Tiến Trịnh Xuân M1

Trần Quốc K

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Hương Khê;
- UBND xã Phú Gia;
- Chi cục THADS Hương Khê;
- TAND tỉnh Hà Tĩnh;
- Lưu hồ sơ +VP-TA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA****Trần Quốc Khánh**